

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2018 và Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII

Số: 91/2019/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

VÀ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN MOORE STEPHENS

HÀ NỘI - NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91/2019/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2018

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

**V/v: Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2018
và Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán, ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số: 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, ban hành kèm theo Thông tư số: 65/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào thỏa thuận đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens về việc cung cấp dịch vụ Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2018 và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa: (“các Bên”)

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Đại diện: Ông Phạm Thế Chinh
 Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Điện thoại: +84.02.838.688.239
 Fax: +84.02.838.688.189
 Địa chỉ: Số 70, Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
 Mã số thuế: 0300482241

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Đại diện: Ông Phan Huy Thắng
 Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Điện thoại: +84.02.437.832.121

Fax: +84.02.437.832.122
Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn
Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Mã số thuế: 0101917917
Tài khoản: 123 100 0039 0034
Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi
nhánh Quang Trung, thành phố Hà Nội
Tên tài khoản: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hai Bên thống nhất Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

1.1. Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2018 của bên A (bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc soát xét của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của bên A;

1.2. Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của bên A;

1.3. Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Điều 2. Luật định và Chuẩn mực

Dịch vụ soát xét được thực hiện phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410: Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, ban hành kèm theo thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính;

Dịch vụ kiểm toán được thực hiện phù hợp với các quy định của Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam;

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu về Báo cáo tài chính của Bên A được trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A và Bên B

Trách nhiệm của Bên A

Việc soát xét và Kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

i. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

ii. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của việc soát xét và kiểm toán;

iii. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét và kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban Quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban Quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính;

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại văn phòng của Bên A;

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét;

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam quy định bên B phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính;

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét, kiểm toán;

Bên B thực hiện công việc soát xét và kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố;

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban Quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra kết luận và ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của bên A;

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính;

Bên B phải đảm bảo cung cấp cho Bên A các Báo cáo kiểm toán đã nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này

Điều 4. Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc công việc soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được soát xét bằng tiếng Việt;

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan;

Sau khi kết thúc công việc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, Thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của Kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A;

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan;

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét hoặc Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

Điều 5. Kế hoạch thực hiện

Công việc soát xét và kiểm toán được thực hiện khi có sự thống nhất kế hoạch làm việc giữa hai Bên;

Thời gian hoàn thành công việc soát xét, kiểm toán và phát hành Báo cáo phụ thuộc vào việc cung cấp tài liệu của Bên A và các thoả thuận khác trong quá trình soát xét và kiểm toán.

Báo cáo soát xét, Báo cáo kiểm toán sẽ được phát hành sau 05 ngày kể từ khi có ý kiến chấp thuận chính thức của Bên A về Báo cáo dự thảo (nếu có).

Điều 6. Phí dịch vụ (Giá trị Hợp đồng) và phương thức thanh toán

1) Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ chưa bao gồm 10% thuế GTGT cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là:

185.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi năm triệu đồng)

Thuế GTGT với thuế suất 10% là: **18.500.000 đồng**

Tổng phí dịch vụ (Giá trị Hợp đồng) đã bao gồm 10% thuế GTGT là:

203.500.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm không ba triệu, năm trăm nghìn đồng)

Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc;

Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau:

- (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B;
- (2) Không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình soát xét, Kiểm toán hoặc thay đổi phạm vi Kiểm toán bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B;
- (3) Hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được Kiểm toán;
- (4) Chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình Kiểm toán (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh);
- (5) Kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và;
- (6) Bên A chi trả kịp thời các hoá đơn mà Bên B đã phát hành.

2) Phương thức thanh toán

Tạm ứng 25% tổng giá trị của Hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng kiểm toán được ký và sau khi nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.

Thanh toán lần 2, tương ứng 25% tổng giá trị của Hợp đồng ngay sau khi phát hành Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và sau khi nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.

Thanh toán lần 3, tương ứng 25% tổng giá trị của Hợp đồng trước ngày kiểm kê cuối năm tài chính và sau khi nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.

Số phí còn lại sẽ được thanh toán ngay khi Bên B giao đầy đủ Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý (nếu có) và hồ sơ Thanh lý hợp đồng.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Nếu Bên A vi phạm điều khoản thanh toán (theo quy định tại điều 6 khoản 2 của Hợp đồng này) cụ thể là chậm thanh toán phí dịch vụ cho Bên B, Bên A sẽ phải chịu khoản lãi suất quá hạn (lãi suất phạt) đối với khoản tiền chậm thanh toán cho Bên B bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán khoản phí chậm trả.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

Điều 7. Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ Kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày tại Phụ lục hợp đồng kèm theo. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ Kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 8. Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây;

Nếu trong quá trình thực hiện các điều khoản nêu trên, vì bất kỳ lý do gì (không phải do Bên B gây ra) dẫn đến việc Bên A yêu cầu Bên B ngừng thực hiện tiếp các công việc như đã nêu tại Điều 1 hoặc Bên B đã làm xong các trách nhiệm của Bên B như đã nêu tại Điều 3 nhưng Bên A vẫn yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kiểm toán hoặc từ chối không nhận Báo cáo kiểm toán thì Bên A sẽ phải thực hiện thanh toán đầy đủ cho Bên B các chi phí phát sinh tính từ thời điểm bắt đầu công việc kiểm toán (như đã nêu tại Điều 1) đến thời điểm Bên A yêu cầu chấm dứt thực hiện các trách nhiệm của Bên B;

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế thành phố Hà Nội.

Điều 9. Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng này được thể hiện nội dung trên (06) sáu trang, lập thành (06) sáu bản bằng tiếng Việt đều có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ (03) ba bản;

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên cho đến khi kết thúc Hợp đồng (thanh lý Hợp đồng, phát hành hoá đơn và thu tiền) hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ Hợp đồng của cả hai Bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phan Huy Thăng

**ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Thế Chính